

Số: 02/QC-UBND-LĐLĐ

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 4 năm 2016

## **QUY CHẾ**

### **Phối hợp công tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và Liên đoàn Lao động tỉnh Đắk Lắk**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công đoàn năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Điều 10, Luật Công đoàn về quyền, trách nhiệm của công đoàn trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động;

Căn cứ Quyết định số 04/2007/QĐ-TTg ngày 10/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Chính phủ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

Ủy ban nhân dân tỉnh và Liên đoàn Lao động tỉnh ban hành Quy chế phối hợp công tác, với nội dung như sau:

#### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp công tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk với Liên đoàn Lao động tỉnh Đắk Lắk trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình (sau đây viết tắt là UBND tỉnh và LĐLĐ tỉnh).

##### **2. Đối tượng áp dụng**

Áp dụng đối với UBND tỉnh và LĐLĐ tỉnh nhằm phát huy vai trò của LĐLĐ tỉnh trong việc tham gia với chính quyền tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách của Nhà nước, xây dựng và thực hiện các chính sách của địa phương có liên quan trực tiếp đến phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (sau đây gọi chung là CNVCLĐ); đảm bảo các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ; đồng thời tổ chức giáo dục, động viên CNVCLĐ tích cực thi đua yêu nước, thực hiện các nhiệm vụ về chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương.

#### **Điều 2. Nguyên tắc phối hợp**

UBND tỉnh và LĐLĐ tỉnh phối hợp chặt chẽ, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ, tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để mỗi bên hoàn thành

chức năng, nhiệm vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **Điều 3. Nội dung phối hợp**

1. Phối hợp tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế - xã hội, lao động, việc làm, tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hộ lao động và các chính sách, pháp luật khác liên quan đến CNVCLĐ.

2. Tổ chức phong trào thi đua yêu nước, thi đua lao động giỏi, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

3. Phối hợp giải quyết các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ.

4. Hỗ trợ các hoạt động của tổ chức công đoàn liên quan đến nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh.

## **Chương II**

### **NHỮNG NỘI DUNG CỤ THỂ CẦN PHỐI HỢP**

#### **Điều 4. Xây dựng và thực hiện chế độ chính sách đối với CNVCLĐ**

##### **1. Xây dựng chế độ, chính sách**

a) Khi xây dựng, bổ sung, sửa đổi hoặc triển khai thực hiện các văn bản về chế độ, chính sách có liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, hợp pháp của CNVCLĐ, UBND tỉnh có trách nhiệm gửi dự thảo văn bản để lấy ý kiến của LĐLĐ tỉnh. Các cơ quan chủ trì dự thảo văn bản có trách nhiệm cung cấp thông tin hoặc giải trình những vấn đề nêu trong dự thảo văn bản khi LĐLĐ tỉnh có yêu cầu;

b) LĐLĐ tỉnh cử người đại diện có thẩm quyền trực tiếp tham gia cùng cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản hoặc đóng góp ý kiến vào dự thảo văn bản gửi UBND tỉnh. Trong trường hợp còn có ý kiến khác nhau giữa LĐLĐ tỉnh và UBND tỉnh, hai bên sẽ tổ chức họp để thảo luận, thống nhất ý kiến. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định hiện hành của pháp luật và thẩm quyền của UBND tỉnh.

##### **2. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chế độ, chính sách**

a) Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu thực tế, hai bên cùng phối hợp thành lập đoàn kiểm tra để tiến hành kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về lao động, Luật Công đoàn và các chủ trương, chính sách, pháp luật khác của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền của công đoàn, quyền và nghĩa vụ của CNVCLĐ tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế trên địa bàn tỉnh.

b) UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các doanh nghiệp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với CNVCLĐ theo luật định. Khi có kiến nghị của LĐLĐ tỉnh hoặc của đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình vi phạm thực hiện chế độ, chính sách đối với CNVCLĐ, UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý các vi phạm đó theo quy định pháp luật.

## **Điều 5. Tổ chức phong trào thi đua yêu nước**

1. Hàng năm, UBND tỉnh đề ra các mục tiêu, nội dung thi đua và tổ chức sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng theo Luật Thi đua khen thưởng.

2. LĐLĐ tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các cấp công đoàn phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp tổ chức phát động thi đua, vận động CNVCLĐ đăng ký, hưởng ứng phong trào thi đua nhằm thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do UBND tỉnh đề ra.

## **Điều 6. Thực hiện quyền dân chủ, tham gia quản lý của CNVCLĐ và tổ chức công đoàn**

1. UBND tỉnh chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, chủ doanh nghiệp, phối hợp với công đoàn cùng cấp tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở theo quy định của pháp luật.

2. LĐLĐ tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các cấp công đoàn trong tỉnh phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, chủ doanh nghiệp tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, Hội nghị Người lao động theo quy định.

3. LĐLĐ tỉnh kịp thời tập hợp, phản ánh bằng văn bản với UBND tỉnh về những kiến nghị của CNVCLĐ có liên quan đến trách nhiệm của UBND tỉnh. UBND tỉnh trả lời bằng văn bản về những nội dung mà LĐLĐ tỉnh đã kiến nghị.

4. UBND tỉnh có trách nhiệm gửi đến LĐLĐ tỉnh những văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành có nội dung liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của CNVCLĐ để LĐLĐ tỉnh phối hợp vận động CNVCLĐ thực hiện và giám sát việc thực hiện.

## **Điều 7. Phối hợp giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của CNVCLĐ**

1. LĐLĐ tỉnh có trách nhiệm giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của tổ chức công đoàn; chuyển đến UBND tỉnh hoặc các cơ quan Nhà nước liên quan các đơn thư có nội dung thuộc thẩm quyền các cơ quan Nhà nước; tổng hợp, thông tin tình hình khiếu tố của CNVCLĐ (qua các báo cáo chuyên đề, định kỳ 6 tháng, năm) để UBND tỉnh biết.

2. UBND tỉnh kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền và chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý của mình xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật các đơn kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của CNVCLĐ do LĐLĐ tỉnh chuyển đến và thông báo kết quả giải quyết với LĐLĐ tỉnh.

3. UBND tỉnh và Thường trực LĐLĐ tỉnh có trách nhiệm phối hợp ngăn ngừa và cùng tham gia xử lý kịp thời, đúng quy định của pháp luật đối với các vụ khiếu kiện của CNVCLĐ mang tính tập thể, phức tạp hoặc các vụ đình công, biểu tình ngay tại cơ sở.

## **Điều 8. Thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước**

1. Đối với các chủ trương, chính sách của Nhà nước cần có sự phối hợp vận động của tổ chức công đoàn, UBND tỉnh cần bàn bạc với LĐLĐ tỉnh về mục tiêu, nội dung của chủ trương, chính sách đó và tạo điều kiện thuận lợi để LĐLĐ tỉnh phối hợp triển khai hoặc mời đại diện của LĐLĐ tỉnh tham gia thành viên Ban Chỉ đạo của tỉnh.

2. LĐLĐ tỉnh có trách nhiệm tổ chức vận động CNVCLĐ hưởng ứng thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách nói trên.

### **Điều 9. Thực hiện các chủ trương, nghị quyết của công đoàn**

Đối với các chủ trương, nghị quyết của tổ chức công đoàn có liên quan đến trách nhiệm của Nhà nước, LĐLĐ tỉnh có trách nhiệm xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch thực hiện gửi UBND tỉnh biết. UBND tỉnh tạo điều kiện, chỉ đạo UBND các cấp và các Sở, ban, ngành trực thuộc cùng phối hợp với LĐLĐ tỉnh triển khai có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết đó.

### **Điều 10. Vấn đề tài chính và các điều kiện khác bảo đảm cho tổ chức công đoàn hoạt động**

1. UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành chức năng liên quan và các doanh nghiệp thực hiện tốt việc trích nộp kinh phí công đoàn theo quy định tại Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết về tài chính công đoàn nhằm bảo đảm cho tổ chức công đoàn hoạt động.

2. Đối với những hoạt động quan trọng của tổ chức công đoàn nhằm thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước trên địa bàn, LĐLĐ tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí cụ thể, có văn bản đề xuất để UBND tỉnh xem xét, giải quyết hỗ trợ kinh phí tổ chức hoạt động.

3. UBND tỉnh quan tâm, tạo điều kiện một phần kinh phí hoạt động công đoàn của LĐLĐ tỉnh và hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, sửa chữa trụ sở làm việc, Nhà Văn hóa Lao động, các công trình khác do tổ chức công đoàn quản lý để phục vụ lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ và nhân dân trên địa bàn.

## **Chương III CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

### **Điều 11. Chế độ thông tin**

1. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch LĐLĐ tỉnh được mời dự các phiên họp giao ban định kỳ hàng tháng, các cuộc họp, hội nghị khác của UBND tỉnh triển khai các vấn đề có liên quan đến tổ chức công đoàn, đến quyền và nghĩa vụ của Người lao động.

2. Định kỳ 6 tháng một lần, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh được mời dự Hội nghị Ban Chấp hành LĐLĐ tỉnh để thông báo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các chủ trương, chính sách mới của tỉnh có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của CNVCLĐ. LĐLĐ tỉnh có trách nhiệm thông tin về những chủ trương, nghị quyết của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, phản ánh tình hình CNVCLĐ và hoạt động công đoàn; những kiến nghị của CNVCLĐ, của tổ chức công đoàn để UBND tỉnh biết và giải quyết theo thẩm quyền.

3. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 01 năm, LĐLĐ tỉnh gửi đến UBND tỉnh các báo cáo về tình hình CNVCLĐ và hoạt động công đoàn. UBND tỉnh gửi đến LĐLĐ tỉnh các báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **Điều 12. Chế độ làm việc**

1. Định kỳ mỗi năm từ 1 - 2 lần hoặc trong trường hợp cần thiết, UBND tỉnh và LĐLĐ tỉnh tổ chức các buổi làm việc liên tịch nhằm đánh giá kết quả phối hợp

hoạt động; trao đổi những vấn đề phát sinh trong mối quan hệ công tác giữa hai bên và giải quyết các kiến nghị của CNVCLĐ theo quy định của pháp luật.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Chánh Văn phòng LĐLĐ tỉnh có trách nhiệm phối hợp tham mưu cho UBND tỉnh và LĐLĐ tỉnh xử lý kịp thời về thông tin giữa hai bên, chuẩn bị chương trình và nội dung công việc cụ thể cần phối hợp, chuẩn bị nội dung các cuộc làm việc giữa hai bên nhằm thực hiện tốt Quy chế này.

#### **Chương IV** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 13.** Quy chế này đã được UBND tỉnh và LĐLĐ tỉnh thống nhất ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc, hai bên sẽ trao đổi và quyết định bổ sung, sửa đổi.

Căn cứ nội dung Quy chế, UBND tỉnh và LĐLĐ tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo UBND các cấp, các Sở, ngành và các cấp công đoàn xây dựng và thực hiện Quy chế phối hợp giữa chính quyền và công đoàn cùng cấp.

**Điều 14.** Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quy chế số 419/QCLT/UB-LĐLĐ ngày 22/7/2005 về mối quan hệ công tác giữa UBND tỉnh với LĐLĐ tỉnh Đắk Lắk.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ LĐLĐ TỈNH**  
**CHỦ TỊCH**



**Trần Tuấn Anh**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**CHỦ TỊCH**



**Phạm Ngọc Nghị**

*Nơi nhận:*

- Văn phòng Chính phủ;
- Tổng LĐLĐ Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy, các đ/c Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT LĐLĐ tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- LĐLĐ các huyện, thị xã và thành phố;
- CĐ ngành; CĐCS trực thuộc LĐLĐ tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh; Công TTĐT của tỉnh;
- Lưu: VT UBND tỉnh, LĐLĐ tỉnh, KG-VX.

*110 Huy*